

Mối quan hệ giữa bất bình đẳng trong thu nhập, nghèo đói và tội phạm ở các quốc gia (tiếp theo và hết)

PAUL-PHILIPPE PARE, RICHARD FELSON.

Income inequality, poverty and crime across nations.

The British Journal of Sociology, 2014, Volume 65 Issue 3.

Lan Anh dịch

Tóm tắt: Chúng tôi đã khảo nghiệm mối quan hệ giữa bất bình đẳng trong thu nhập, nghèo đói, và các loại tội phạm khác nhau. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi nhất quán với một nghiên cứu gần đây, cho thấy rằng bất bình đẳng sẽ không liên quan đến tỷ lệ giết người nếu nghèo đói được kiểm soát. Trong các phân tích nhiều cấp độ của chúng tôi trong Khảo sát quốc tế về Nạn nhân của tội ác ICVS (International Crime Victimization Survey), chúng tôi nhận thấy rằng bất bình đẳng sẽ không liên quan đến việc hành hung, cướp bóc, đột nhập và trộm cắp nếu nghèo đói được kiểm soát. Chúng tôi cho rằng đó cũng là cơ sở lý luận để nghi ngờ nhận định về mối quan hệ giữa mức độ bất bình đẳng thu nhập của một quốc gia và khả năng xảy ra hành vi phạm tội.

Từ khóa: Tội phạm xuyên quốc gia, Giết người, ICVS, Bất bình đẳng trong thu nhập, Nghèo đói

Phân tích về dữ liệu ICVS

Ngày nay, dữ liệu ICVS được sử dụng để đánh giá ảnh hưởng của sự nghèo đói và bất bình đẳng thu nhập đối với nạn hành hung hay cướp bóc. ICVS do Viện nghiên cứu Công lý và Tội ác liên bang của Liên Hợp Quốc (UNICRI) thực hiện nhằm cung cấp dữ liệu cụ thể về tội phạm và nạn nhân với mục đích so sánh quốc tế (UNICRI, 2005). Chúng tôi tiến hành phân tích tại các nước đã thực hiện khảo sát trên phạm vi toàn quốc từ năm 1989 đến

2000 (28/58 nước), không bao gồm các nước có khảo sát tại thủ đô hoặc khu vực do vấn đề đo lường đã được thảo luận trước đó. Danh sách các nước được liệt kê tại Phụ lục a. Kích cỡ mẫu nhỏ nên không có lợi cho giả thiết trên mẫu khác. Ngoài ra, những tác động không đáng kể gần bằng 0 sẽ cho kết quả tương tự nhau nếu chúng ta có số liệu thống kê cụ thể.

Nhiều học giả cho rằng khảo sát nạn nhân giúp tìm ra số liệu đo lường tội phạm phù hợp hơn dữ liệu chính

thức vì nhiều vụ vi phạm không được báo cáo cho cảnh sát (Neapolitan, 1997, 2003; Van Kesteren, Mayhew và Nieuwebeerta, 2001). Hơn nữa, việc đo lường tội phạm và các biến số khác trong ICVS đều được tiêu chuẩn hóa bằng cách sử dụng các câu hỏi giống nhau ở các quốc gia. Câu hỏi cho nạn nhân chủ yếu tập trung vào các hành vi cụ thể, chứ không tập trung vào loại tội phạm nói chung (ví dụ như vụ cướp). Phương pháp này giúp việc so sánh xuyên quốc gia hiệu quả hơn, vì ý nghĩa của loại tội phạm có thể thay đổi qua từng nước. Tất nhiên ICVS không thể tránh khỏi hạn chế. Ví dụ, qua từng nước, cách hiểu các câu hỏi về hành vi phạm tội hoặc sự sẵn sàng của người tham gia khảo sát và vạch trần tội phạm vẫn còn khác nhau. (Về ưu điểm và hạn chế của ICVS, xem Block, 1993; Neapolitan 1997; Neapolitan, 2003; UNICRI, 2005; Van Wilsem, 2004; Van Kesteren, Mayhew và Nieuwebeerta, 2001; Van Dijk, 2008).

Đo lường biến

Bốn biến số phụ thuộc trong phân tích này được đo dựa vào việc người trả lời có là nạn nhân của các cuộc hành hung, cướp tài sản, trộm đột nhập vào nhà và ăn cắp trong năm ngoài hay không. Người trả lời sẽ được hỏi các câu dưới đây, và các biến được đánh mã số 1 nếu người trả lời tường thuật lại vụ việc và sẽ đánh mã 0 nếu ngược lại:

(1) “Bạn đã từng bị tấn công hoặc bị đe dọa bởi ai đó theo cách khiến bạn thực sự sợ hãi ngay tại nhà hoặc ở nơi khác, như trong quán rượu, trên đường phố, tại trường học, trên các phương tiện giao thông công cộng, ở bãi biển, hoặc tại nơi làm việc của bạn?”^(*).

(*) Những bức ảnh mờ có khác nhau một chút được sử dụng cho các khảo sát về trộm cắp năm 1989 và 1992, và khảo sát về trộm đột nhập vào

(2) “Có ai từng lấy cái gì đó của bạn bằng cách sử dụng vũ lực hoặc đe dọa bạn hay họ đã từng cố gắng làm vậy với bạn chưa?”.

(3) “Có ai từng vào nhà hoặc phòng bạn mà không được phép, rồi ăn cắp hoặc cố gắng ăn cắp một cái gì đó của bạn chưa?”.

(4) “Ngoài hành vi trộm cắp có liên quan đến vũ lực, còn rất nhiều loại hành vi trộm cắp tài sản cá nhân, chẳng hạn như móc túi hoặc trộm túi, ví, quần áo, đồ trang sức, dụng cụ thể thao. Điều này có thể xảy ra với mọi người tại nơi làm việc, ở trường học, trong quán rượu, trên các phương tiện giao thông công cộng, ở bãi biển, hay trên đường phố. Bạn có từng là nạn nhân của một vụ trộm cắp?”^(*).

Các biến ở cấp độ quốc gia của chúng tôi là Chỉ số Gini, chỉ số đói nghèo và tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh (dạng logarit). Chúng được tính theo cùng một cách giống nhau vì đều nằm trong phân tích bạo hành sát nhân. Ở cấp độ cá nhân, chúng tôi đưa vào các biến sau đây: mức thu nhập, giới tính, tuổi tác, tần số hoạt động giải trí ban đêm ở bên ngoài, và quy mô dân số của thành phố, thị xã đang cư trú. Mức thu nhập được xem như một biến giả và được mã hóa hoặc là trên 50% hoặc là thấp hơn 50% (theo tài liệu tham khảo)^(**). Giới tính được mã hóa là 1 đối với nam

năm 1989. Tuy nhiên, ý nghĩa của chúng thì tương tự nhau.

(*) Những đối tượng khảo sát sau đó được hỏi liệu người phạm tội có thực sự tấn công họ hay không. Chúng tôi chỉ thống kê các vụ phạm tội có tấn công thực sự; những vụ đe dọa không xảy ra tấn công đã được mã hóa 0. Tuy nhiên, chúng tôi nhân rộng phân tích bằng cách mã hóa các mối đe dọa là các vụ hành hung. Những ảnh hưởng của đói nghèo và bất bình đẳng là như nhau.

(**) Phép tính nhị phân của thu nhập này có hạn chế, nhưng là phép đo tốt nhất có trong ICVS.

và 0 đối với nữ. Độ tuổi được đo bằng một tập hợp các biến số giả, ký hiệu là 16-24 tuổi (theo tài liệu tham khảo), 25-34 tuổi, 35-49 tuổi và 50 tuổi trở lên, hoặc chưa rõ độ tuổi. Hoạt động vào ban đêm sẽ dựa trên các câu trả lời đối với câu hỏi “bạn có thường xuyên tự mình ra ngoài vào buổi tối vì mục đích giải trí, như đến một quán rượu, nhà hàng, rạp chiếu phim hay để gặp mặt bạn bè không?”. Câu trả lời được mã hóa là ‘Hầu như mỗi ngày’, ‘Ít nhất một lần một tuần’, ‘Ít hơn một lần một tuần’ (theo tài liệu tham khảo). Quy mô dân số của thành phố, thị trấn mà người được hỏi đang sống được đo bằng một tập hợp các biến giả và được mã hóa là ‘Ít hơn 10.000’, ‘10.000-49.999’, ‘50.000-99.999’, ‘100.000-499.999’, ‘500.000 hay nhiều hơn’ (theo tài liệu tham khảo). Các đặc điểm cá nhân của người được hỏi cần phải được loại trừ ra khỏi phân tích vì chúng có khả năng ảnh hưởng đến xác suất của vụ việc, đồng thời chúng có thể liên quan đến đói nghèo và bất bình đẳng.

Kết quả

Số liệu thống kê được trình bày trong bảng 5 trong khi kết quả tổng hợp được trình bày trong bảng 4. Phương trình 1 bao gồm chỉ số nghèo trong khi phương trình 2 bao gồm tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh. Các mô hình được chạy theo phương pháp hồi quy logic đa cấp độ Bernoulli (phần mềm HLM phiên bản 6).

Kết quả chứng minh rằng bất bình đẳng thu nhập ở cấp độ quốc gia không có nhiều ảnh hưởng đáng kể đến bất kỳ loại nạn nhân tội phạm nào. Không có hệ số nào cho Chỉ số Gini có ý nghĩa thống kê dù phương trình có bao gồm chỉ số nghèo hay tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh. Có tác động dương tính lên tỷ lệ trộm cắp hay tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh biến động cùng chiều với cả ba loại tội

phạm liên quan đến nghèo đói. Tuy nhiên, không có biến nào ở cấp độ quốc gia dự đoán được mức độ trở thành nạn nhân của các vụ hành hung.

Nghiên cứu cũng quan sát tác động của các biến kiểm soát cấp độ cá nhân. Những người tham gia khảo sát có thu nhập trên mức trung bình có vẻ ít bị hành hung hơn những người có mức thu nhập dưới trung bình, nhưng họ lại có khả năng bị trộm nhiều hơn. Phụ nữ thường ít bị hành hung hay cướp bóc nhưng lại bị trộm nhiều hơn. Những đối tượng cao tuổi thường ít bị hành hung, trộm hay cướp hơn. Những người ở các thị trấn nhỏ hoặc ít đi ra ngoài vào buổi tối thì nguy cơ trở thành nạn nhân của cả 4 loại đều ít hơn. Những kết quả trên phù hợp với các nghiên cứu khác (Miethe và Meier, 1994; Felson, 2002), do đó chúng minh số liệu có ý nghĩa.

Nghiên cứu cũng sử dụng phương pháp phân tích tổng hợp (kết quả không được trình bày trong bài nghiên cứu). Đầu tiên, nghiên cứu kiểm định quan hệ hai chiều giữa bất bình đẳng và tội phạm để xem liệu chúng có mối quan hệ ràng buộc khi không tính đến mức nghèo đói hay không. Bất bình đẳng thu nhập tương quan với tỷ lệ cướp ($r = 0,49$; $p < 0,05$) và tỷ lệ trộm đột nhập vào nhà ($r = 0,46$; $p < 0,05$). Những hệ số này tương đương nhau trong mối tương quan giữa bất bình đẳng và tỷ lệ giết người được thống kê trong bảng 3 ($r = 0,54$). Mặt khác, bất bình đẳng không có mối quan hệ hai chiều đáng kể với tỷ lệ hành hung ($r = 0,21$; n.s.) và tỷ lệ ăn cắp ($r = 0,14$; n.s.). Thứ hai, nghiên cứu chạy mô hình tổng hợp đa chiều. Kết quả tương tự như phương pháp phân tích đa cấp độ, dù tác động của chỉ số nghèo và tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh có mạnh hơn đôi chút đối với hai nhân tố cướp và trộm đột nhập vào nhà.

Thảo luận

Các nhà xã hội học có mối quan tâm lâu dài đến hậu quả tiêu cực của bất bình đẳng (ví dụ, Neckerman và Torche, 2007). Một trong những hậu quả được nhận định là tỷ lệ tội phạm cao hơn. Tuy

nhien, phần lớn các nhà tội phạm xã hội học đã bỏ qua việc nghiên cứu các loại tội phạm khác ngoài tội giết người, mặc dù những lập luận của họ đều dựa trên các lý thuyết về tội phạm nói chung chứ không phải lý thuyết về tội phạm giết người.

Bảng 5: Số liệu thống kê
(Phân ích ICVS, N = 122.357 người được hỏi ở 28 quốc gia)

	Mean	S.D.	Min.	Max.
<i>Cấp độ quốc gia</i>				
Chỉ số Gini về bất bình đẳng	32,0	6,0	23,1	45,0
Chỉ số đói nghèo	14,5	7,5	1	28
Tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh (logarit)	0,82	0,19	0,55	1,37
Tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh	7,2	4,2	3,5	23,4
<i>Cấp độ cá nhân</i>	%			
Hành hung	1,7			
Cướp	1,3			
Trộm đột nhập vào nhà	2,7			
Trộm cắp	5,6			
Thu nhập cao (Trên 50%)	43,9			
Thu nhập thấp (Dưới 50%)	44,4			
Chưa rõ thu nhập	11,7			
Nữ	54,0			
Nam	46,0			
Tuổi 16-24	12,2			
Tuổi 25-34	19,8			
Tuổi 35-49	29,5			
Tuổi 50 trở lên	37,7			
Chưa rõ độ tuổi	0,7			
Thị trấn/Thành phố: Ít hơn 10.000 người	28,9			
Thị trấn/Thành phố: 10.000-49.999 người	21,2			
Thị trấn/Thành phố: 50.000-99.999 người	8,4			
Thị trấn/Thành phố: 100.000-499.999 người	13,2			
Thị trấn/Thành phố: 500.000 người trở lên	12,1			
Thị trấn/Thành phố: Không rõ quy mô dân số	16,2			
Các hoạt động buổi tối ở bên ngoài: Hàng ngày	9,0			
Các hoạt động buổi tối ở bên ngoài: Hàng tuần	35,9			
Các hoạt động buổi tối ở bên ngoài: Ít hơn hàng tuần	49,2			
Các hoạt động buổi tối ở bên ngoài: Không rõ	5,9			

Bảng 6: Mô hình hồi quy logic đa cấp độ Bernoulli dự báo xác suất tội phạm
(các hệ số hồi quy phi chuẩn; sai số chuẩn trong ngoặc đơn;
N = 122.089-122.357 người được hỏi ở 28 quốc gia)

	Hành hung		Cướp bóc		Đột nhập		Trộm cắp	
	1	2	1	2	1	2	1	2
<i>Cấp độ quốc gia</i>								
Chỉ số Gini bất bình đẳng	0,017 (0,021)	0,021 (0,019)	-0,043 (0,027)	-0,019 (0,011)	0,003 (0,021)	0,015 (0,019)	-0,021 (0,025)	-0,015 (0,019)
Chỉ số đói nghèo	-0,022 (0,015)	- (0,015)	0,049* (0,019)	- (0,019)	0,042* (0,015)	- (0,015)	0,024 (0,017)	- (0,017)
Tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh (log)	- (0,634)	-0,706 (0,634)	- (0,472)	3,00* (0,472)	- (0,578)	1,76* (0,578)	- (0,653)	1,99* (0,653)
<i>Cấp độ cá nhân</i>								
Thu nhập cao	-0,167* (0,052)	-0,158* (0,054)	-0,032 (0,073)	0,040 (0,078)	-0,008 (0,042)	-0,001 (0,046)	0,113* (0,029)	0,111* (0,036)
Nữ giới	-0,619* (0,047)	-0,619* (0,047)	-0,401* (0,052)	-0,435* (0,082)	-0,032 (0,036)	-0,032 (0,036)	0,213* (0,026)	0,213* (0,026)
Tuổi 25-34	-0,632* (0,061)	-0,630* (0,061)	-0,758* (0,075)	-0,787* (0,100)	-0,104 (0,062)	-0,104 (0,062)	-0,541* (0,037)	-0,540* (0,038)
Tuổi 35-49	-1,04* (0,063)	-1,04* (0,063)	-0,870* (0,072)	-0,936* (0,112)	-0,042 (0,058)	-0,042 (0,058)	-0,767* (0,037)	-0,766* (0,037)
Tuổi 50 trở lên	-1,82* (0,075)	-1,82* (0,075)	-1,17* (0,076)	-1,25* (0,127)	-0,255* (0,059)	-0,253* (0,059)	-1,15* (0,039)	-1,15* (0,039)
Dân số thị trấn/thành phố								
Ít hơn 10.000 người	-0,497* (0,077)	-0,497* (0,077)	-1,02* (0,086)	-1,00* (0,104)	-0,658* (0,059)	-0,660* (0,059)	-0,733* (0,042)	-0,732* (0,042)
10.000-49.999 người	-0,246* (0,077)	-0,247* (0,077)	-0,599* (0,084)	-0,561* (0,114)	-0,373* (0,059)	-0,374* (0,059)	-0,473* (0,043)	-0,472* (0,043)
50.000-99.999 người	-0,137 (0,095)	-0,137 (0,095)	-0,594* (0,107)	-0,579* (0,103)	-0,409* (0,076)	-0,411* (0,075)	-0,355* (0,053)	-0,354* (0,053)
100.000-499.999 người	-0,086 (0,083)	-0,086 (0,083)	-0,268* (0,079)	-0,264* (0,078)	-0,238* (0,064)	-0,238* (0,064)	-0,148* (0,045)	-0,148* (0,045)
Ra ngoài buổi tối								
Hàng ngày	0,572* (0,071)	0,576* (0,071)	0,367* (0,081)	0,343* (0,082)	0,245* (0,061)	0,246* (0,061)	0,443* (0,043)	0,443* (0,043)
Một lần một tuần	0,221* (0,056)	0,223* (0,056)	0,104 (0,062)	0,084 (0,064)	0,042 (0,042)	0,045 (0,042)	0,270* (0,030)	0,272* (0,030)
Hệ số chặn	-3,16* (0,62)	-3,01* (0,551)	-2,29* (0,768)	-4,90* (0,665)	-3,81* (0,607)	-5,08* (0,517)	-1,71* (0,73)	-3,22* (0,572)
Phương sai được giải thích	0,099	0,020	0,256	0,482	0,338	0,336	0,062	0,338

Lưu ý: Các nhóm tham khảo là [Thu nhập thấp, Nam giới, tuổi 16-24, thành phố 500.000 người trở lên, các hoạt động bên ngoài buổi tối ít hơn hàng tuần]. Các biến số giả đối với người được hỏi trả lời “không rõ tuổi, không rõ thu nhập, không rõ quy mô dân số ở thị trấn/thành phố cư trú, không rõ tần suất ra ngoài buổi tối” được đưa vào nhưng không trình bày trong bảng.

* $p < 0.05$.

Chúng tôi cho rằng, có cơ sở lý luận để nghi ngờ ảnh hưởng của bất bình đẳng thu nhập ở cấp độ quốc gia lên tỷ lệ tội phạm của quốc gia đó. Chúng tôi đưa ra giả thuyết là các cá nhân có thể không coi đồng hương của họ như là nhóm tham khảo, và có thể bất mãn với thực trạng phân phối thu nhập. Chúng tôi cũng giả thuyết là sự bình đẳng trong một khu vực địa lý có thể bao hàm một mức độ tập trung nghèo đói dẫn đến có nhiều vụ phạm tội hơn. Cuối cùng, chúng tôi đã trích dẫn nhận định từ các nghiên cứu cho rằng các vụ xâm phạm bắt nguồn từ mâu thuẫn cá nhân chứ không phải sự gây hấn do dịch chuyển cơn giận hoặc ngẫu nhiên gây hấn. Các nghiên cứu về bạo hành cá nhân và tập thể không ủng hộ ý tưởng cho rằng bạo lực phản ánh sự bùng nổ phi lý gây ra bởi cảm giác thất vọng mất phương hướng. Tóm lại, bạo lực không chỉ là một phản ứng đối với hoàn cảnh môi trường xung quanh mà còn hơn thế nữa.

Kết quả của chúng tôi cho thấy rằng, sự bất bình đẳng thu nhập không liên quan đến sự thay đổi về mức độ tội phạm ở các quốc gia, khi đói nghèo được kiểm soát. Nó không liên quan đến các hành vi tấn công, cướp tài sản, trộm cắp, theo phân tích đa cấp của chúng tôi dựa trên Khảo sát ICVS. Khi đói nghèo được kiểm soát hợp lý, bất bình đẳng thu nhập cũng không liên quan đến tỷ lệ giết người. Kết quả tội phạm giết người mà chúng tôi đưa ra cũng hoàn toàn thống nhất với nhận định của Pridemore (2008, 2011). Tuy nhiên, chúng tôi thực sự phát hiện ra rằng một ảnh hưởng nhỏ của bất bình đẳng vẫn tồn tại khi chúng tôi đưa vào chỉ số tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh. Sự khác biệt giữa kết quả của chúng tôi và Pridemore có lẽ là do kích thước mẫu của chúng tôi lớn hơn. Khi chúng tôi chỉ

đưa dữ liệu về các quốc gia ông đã nghiên cứu, chúng tôi thu được kết quả giống như của ông.

Nghiên cứu của chúng tôi cung cấp thêm dẫn chứng chứng minh rằng những tác động của sự bất bình đẳng thu nhập được tìm thấy trong các nghiên cứu trước đó có được là do các nghiên cứu đó không tính đến các chỉ số đói nghèo. Chúng tôi đã chỉ ra rằng Chỉ số Gini phản ánh ảnh hưởng của đói nghèo cũng như ảnh hưởng của bất bình đẳng, thậm chí ngay cả khi chỉ số phát triển kinh tế được đưa vào tính toán. Chỉ số phát triển kinh tế là thước đo xu hướng tập trung và chưa bao giờ có ý nghĩa là một thước đo của nghèo đói. Điều này đã được nêu trong một tài liệu của Liên Hợp Quốc: HDI đo lường sự phát triển ở phạm vi toàn cộng đồng hoặc toàn quốc gia. Chỉ số đói nghèo đo lường sự suy thoái, tỷ lệ số người trong cộng đồng bị loại ra khỏi tiến trình phát triển (Liên Hợp Quốc, 1998, p.25).

Chúng tôi phát hiện được bằng chứng khá phù hợp cho những ảnh hưởng của nghèo đói. Một cá nhân sống trong một đất nước có mức độ nghèo đói cao thì khả năng trở thành nạn nhân của một vụ giết người, cướp tài sản, trộm cắp và các hành vi trộm cắp khác cũng cao hơn. Chúng tôi không thể xác định mối quan hệ giữa nghèo đói và tội phạm là giả hay là quan hệ nhân quả. Nếu tồn tại mối quan hệ nhân quả, chúng tôi không thể xác định ảnh hưởng của đói nghèo phản ánh mặc cảm hèn kém tuyệt đối hay tương đối. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng để khẳng định tác động nhân quả do đói nghèo tạo ra sẽ không đòi hỏi quá nhiều giả định đáng ngờ như tác động của bất bình đẳng.

Chúng tôi không tìm thấy ảnh hưởng của nghèo đói đến rủi ro bị hành

hung. Chưa có bằng chứng chứng minh người dân có nhiều khả năng trở thành nạn nhân của hành hung khi họ sống ở các quốc gia có mức độ nghèo cao. Có thể do sự thay đổi về tỷ lệ hành hung qua các quốc gia không đủ lớn để phát hiện ra tác động của môi trường xung quanh đến tỷ lệ này. Một phân tích về nhân tố cấu thành phương sai trong phân tích HLM chỉ ra rằng ít nhiều có sự dao động về tỷ lệ hành hung giữa các quốc gia hơn các loại tội phạm khác. Các vụ hành hung có thể phát sinh nhiều hơn, phổ biến hơn các loại tội phạm khác, với nhiều loại tội phạm tham gia

hơn. Tuy nhiên, sự dao động giữa các nước đã được chỉ ra ở trên có nguyên nhân là do nạn nhân của các vụ hành hung có quan hệ chặt chẽ với các yếu tố ở cấp độ cá thể (thu nhập, độ tuổi, đô thị cư trú, giới tính, và các hoạt động hàng ngày) giống như các nạn nhân của các loại tội phạm khác.

Các nghiên cứu trên khắp các quốc gia trong tương lai nên làm rõ mối quan hệ giữa nghèo đói và tội phạm. Ngoài ra, một thách thức về mặt phương pháp luận mà các nghiên cứu trong tương lai sẽ gặp phải là cần phát triển một chỉ số đáng tin cậy và chuẩn hóa để trực tiếp

Phụ lục

(a) Danh sách các quốc gia được phân tích về tội phạm giết người (N = 63), thể hiện qua chỉ số tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh và xếp hạng chỉ số đói nghèo. Các số in nghiêng được nhập vào mô hình sử dụng thuật toán EM. Trong phân tích này, tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh được logarit (log 10).

Argentina (21,43; 39)	Đức (5,25; 6)	Paraguay (36,89; 47)
Armenia (28,0; 33)	Hong Kong, * (4,40; 31,2)	Peru (41,90; 53)
Australia (5,61; 17)	Hungary (10,50; 15)	Philippines (31,68; 56)
Austria (5,29; 8)	Ireland (6,37; 23)	Ba Lan (12,90; 16)
Azerbaijan (79,50; 35)	Israel (8,80; 21)	Bồ Đào Nha (7,43; 21,5)
Barbados (14,70; 36)	Italy (6,15; 25)	Romania (33,59; 29)
Bỉ (5,85; 14)	Jamaica (20,60; 54)	Liên Bang Nga (23,49; 30)
Brazil (41,89; 49)	Japan (4,19; 13)	Singapore (3,80; 41)
Bulgaria (23,25; 28)	Kazakhstan (54,10; 31)	Tây Ban Nha (5,44; 19)
Canada (5,91; 9)	Hàn Quốc (8,20; 29,4)	Sri Lanka (18,50; 57)
Chile (11,70; 38)	Kyrgyz Rep. (57,00; 32)	Thụy Điển (3,53; 1)
Colombia (29,1; 44)	Latvia (19,51; 24)	Thụy Sĩ (5,01; 7)
Costa Rica (14,32; 40)	Lithuania (12,32; 26)	Tajikistan (105,00; 34)
Cộng hòa Séc (7,30; 10)	Luxembourg (5,00; 11)	Thái Lan (27,20; 50)
Đan Mạch (5,04; 5)	Mauritius (22,30; 52)	Trinidad-Tobago (31,80; 43)
Cộng hòa Dominica (41,30; 51)	Mexico (28,70; 42)	Anh (6,10; 20)
Ecuador (32,40; 46)	Hà Lan (5,36; 3)	Hoa Kỳ (7,57; 22)
El Salvador (33,00; 55)	New Zealand (6,70; 18)	Uruguay (18,10; 37)
Estonia (14,64; 27)	Nicaragua (39,90; 58)	Uzbekistan (69,70; 36,1)
Phần Lan (3,87; 4)	Na Uy (4,05; 2)	Venezuela (29,90; 48)
Pháp (4,92; 12)	Panama (20,90; 45)	Zimbabwe (60,79; 59)

Note: * Danh nghĩa không phải là một quốc gia nhưng thường được coi như một quốc gia trong các nghiên cứu trước đó. Kết quả đưa ra tương tự nếu coi HongKong có tính chất như vậy.

đo lường mức độ nghèo đói trên khắp các quốc gia. Nghiên cứu của chúng tôi dựa trên hai chỉ số về đói nghèo, nhưng mỗi chỉ số đều có hạn chế, thiếu sót riêng, vì vậy chúng tôi có thể đã đánh giá thấp tác động thực sự của nghèo đói đến tội phạm. Ngoài ra, sẽ rất hữu ích nếu thu thập được dữ liệu đa cấp độ để kiểm nghiệm giả thuyết liệu các cá nhân có địa vị kinh tế - xã hội thấp có nhiều khả năng phạm tội nếu họ sống ở các khu vực có mức độ bất bình đẳng cao hoặc tập trung đói nghèo hay không. Chúng tôi không thể kiểm nghiệm đầy đủ tương tác thống kê này với tập dữ liệu này.

Tóm lại, chúng tôi đã nghi ngờ tính xác thực của giả thuyết bất bình đẳng về thu nhập sẽ dẫn đến tội phạm trên cả cơ sở lý thuyết và thực nghiệm. Điều thú vị là các ý kiến của các tài liệu về tình trạng bất bình đẳng và sức khỏe đều có những lập luận tương tự (ví dụ Daly et al, 1998; Lynch et al, 2004). Các tài liệu này đều kết luận rằng chính đói nghèo chứ không phải bất bình đẳng đã gây ra những tác động tiêu cực đến sức khỏe của dân chúng. Có lẽ việc tìm kiếm ảnh hưởng của bất bình đẳng trong các ngành khoa học xã hội phản ánh đúng

như Felson (2002) mô tả là sự sai lầm có tính lây truyền: Giả định một tệ nạn xã hội gây ra những tệ nạn xã hội khác. Có rất nhiều lý do khiến người ta muốn giảm mức độ bất bình đẳng xuống nhưng kết quả của chúng tôi cho thấy rằng mục tiêu giảm tỷ lệ tội phạm không phải là một trong những lý do đó □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Daly, M. C., Duncan, G. J., Kaplan, G. A. và Lynch, J. W. (1998), “Sự kết nối từ vĩ mô tới vi mô trong mối quan hệ giữa bất bình đẳng và tỷ lệ tử vong”, *The Milbank Quarterly*, Vol.76, p.315-339.
2. Felson, M. (2002), *Tội phạm và đời sống hàng ngày*, Tái bản lần thứ 3, Sage.
3. Lynch, J., Smith, G. D., Harper, S., Hillemeier, M., Ross, N., Kaplan, G. A. và Wolfson, M. (2004), “Bất bình đẳng về thu nhập có phải là yếu tố tác động đến sức khỏe của dân chúng không? Phần 1. Đánh giá mang tính hệ thống”, *The Milbank Quarterly*, Vol.82, p.5-99.

(b) Danh sách các quốc gia trong phân tích của ICVS (N = 28), đo bằng chỉ số tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh và xếp hạng đói nghèo. Các số in nghiêng được nhập vào mô hình sử dụng thuật toán EM. Trong phân tích này, tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh được logarit (log 10).

Australia (5,61; 12)	Georgia (23,44; 28,0)	Ba Lan (12,9; 15)
Austria (5,29; 8)	Đức (5,25; 6)	Bồ Đào Nha (7,43; 15,6)
Bỉ (5,85; 14)	Italy (6,15; 21)	Slovakia (10,5; 16,7)
Canada (5,91; 9)	Nhật Bản (4,19; 13)	Slovenia (5,5; 8)
Cộng hòa Séc (7,30; 10)	Lithuania (12,32; 22)	Tây Ban Nha (5,44; 17)
Đan Mạch (5,04; 5)	Malta (8,13; 16,2)	Thụy Điển (3,53; 1)
Anh và xứ Wales (6,10; 18)	Hà Lan (5,36; 3)	Thụy Sĩ (5,01; 7)
Estonia (14,64; 23)	New Zealand (6,70; 16)	Hoa Kỳ (7,57; 19)
Phần Lan (3,87; 4)	Bắc Ireland (6,37; 20)	
Pháp (4,92; 11)	Na Uy (4,05; 2)	

4. Miethe, T. D. và Meier, R. F. (1994), *Tội phạm và Bối cảnh xã hội của tội phạm: Hướng tới một lý thuyết chung về tội phạm, nạn nhân, và tình huống xảy ra*, State University of New York Press.
5. Neckerman, K. và Torche, F. (2007), “Bất bình đẳng: Nguyên nhân và hệ quả”, *Annual Review of Sociology*, Vol.33, p.335-357.
6. Pridemore, W. A. (2008), “Ý kiến bổ sung về mặt phương pháp luận cho tài liệu xuyên quốc gia về cấu trúc xã hội và tội giết người: Bài kiểm tra đầu tiên về lý thuyết mối quan hệ đối nghèo-sát nhân”, *Criminology*, Vol.46, p.133-154.
7. Pridemore, W. A. (2011), “Các vấn đề đối nghèo: Đánh giá lại mối quan hệ giữa bất bình đẳng và tội giết người tại các nghiên cứu xuyên quốc gia”, *British Journal of Criminology*, Vol.51, p.739-772.
8. Liên Hợp Quốc (1998), *Báo cáo Phát triển con người 1998*, Oxford University Press, NY.

(tiếp theo trang 55)

Để phòng ngừa, ứng phó với những thách thức ANPTT đang và sẽ ảnh hưởng đến xã hội Việt Nam, tác giả đề xuất một số giải pháp sau:

- Xây dựng chiến lược toàn diện về ANPTT đến năm 2020, tầm nhìn 2050.

- Tăng cường công tác giáo dục, tuyên truyền, phổ biến sâu rộng quan điểm, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống các nguy cơ ANPTT.

- Tăng cường hợp tác quốc tế trong ngăn ngừa, phòng chống ảnh hưởng tiêu

cực của ANPTT đến xã hội Việt Nam hiện nay.

- Phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân và của cả hệ thống chính trị nhằm đối phó, giải quyết các nguy cơ đe dọa ANPTT.

- Tăng cường vai trò chuyên nghiệp của lực lượng công an nhân dân.

Luận án được bảo vệ thành công tại Hội đồng chấm luận án cấp Học viện, họp tại Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam năm 2015.

HUỆ NGUYỄN

giới thiệu